

Bản án số: 50/2022/HS-ST

Ngày: 12/5/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thành Hải**

Các hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Hoàng Thanh Tâm**

2/ Bà Trần Thị Tố Loan

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Thành**

- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:

Bà Trần Huỳnh Như Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 12/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2022/TLST-HS ngày 01/4/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/QĐXXST-HS ngày 19/04/2022 đối với bị cáo:

PHẠM QUỐC T, sinh năm: 1991, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Quốc T, sinh năm: 1960; Con bà: Nguyễn Thị Lan H, sinh năm: 1972; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/8/2021 đến ngày 02/9/2021 áp dụng biện pháp tạm giam. Ngày 07/9/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 01/01/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L ra quyết định truy nã Phạm Quốc T. Ngày 30/01/2022 bị bắt và tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Ngọc Minh N**, sinh năm: 1998

HKTT: Tổ 4, khu phố 02, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Tổ 7, khu phố 01, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Người làm chứng: Anh **Phạm Minh T**, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Phạm Quốc T là đối tượng không có công việc ổn định. T đã đặt mua trên mạng xã hội một bộ trang phục Công an nhân dân và một bảng tên Phạm Quốc T, để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác tiêu xài cá nhân.

Ngày 20/07/2021, T đến quán nước T (đối diện trụ sở Công an thành phố L) tại quốc lộ 1A, phường P, thành phố L, của ông Nguyễn Ngọc Minh N, sinh năm 1969, ngụ tại khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai để uống nước. Tại đây, T tự xưng là cán bộ Công an tỉnh Đ đang đi công tác, và xin ông N ở nhờ lại quán, ông N đồng ý cho T ở lại quán của mình. Cùng thời gian này có anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989, trú tại khu phố 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận cũng ghé quán ông N uống nước, và có nói chuyện việc anh T có liên quan đến một vụ tai nạn xảy ra trước đó, hiện xe tải của anh đang bị Công an thành phố L tạm giữ để điều tra. Anh T muốn lấy xe ra sớm, hỏi ông N có quen biết ai trong Công an thành phố L có thể giúp lấy xe ra không. Nghe vậy, ông N nói có người quen làm trong Công an thành phố L, và có thể xin xe cho T nên nhận trước của T 1.000.000 đồng. Sau đó ông N gặp T, thì T nhận xin được xe ô tô ra sớm. Ông N nói T chuyển thêm 10.000.000 đồng qua số tài khoản 5906205169320, ngân hàng A mang tên Nguyễn Ngọc Minh N để lo lấy xe, nhận được tiền từ T, ông N đưa cho T 6.000.000 đồng, ông N giữ 4.000.000 đồng. Sau đó ông N cho T số điện thoại của T để hai bên tự liên lạc. Có được số điện thoại của T, T gọi cho T bằng mạng zalo, T mặc trang phục công an nhằm tạo thêm niềm tin với T và yêu cầu T chuyển tiếp nhiều lần tổng số tiền 7.800.000 đồng qua số tài khoản 050117772419, ngân hàng TMCP S, tên “Phạm Quốc T” để T lo lấy xe ra. Như vậy ông N nhận tiền từ T là 5.000.000 đồng, T nhận từ T là 13.800.000 đồng. số tiền này T tiêu xài cá nhân hết.

Sau một thời gian cho T ở nhờ, ông N thấy T có những biểu hiện không giống một người công an nên ngày 22/08/2021 đã đến trình báo Công an phường P, qua kiểm tra, Công an phường P đã xác định T không phải là cán bộ công an nên đã thu hồi bộ trang phục công an nhân dân (1 quần 1 áo màu xanh) 1 cặp ve ngành công an, 1 cấp hàm thượng úy, 1 thắt lưng, 1 bảng tên “Phạm Quốc T” số hiệu 186-376. về phần T, sau khi chuyển tiền cho T, nhưng không thấy T giúp lấy xe ra như đã hứa nên ngày 24/08/2021, anh T đến Công an thành phố L tố cáo hành vi của T và ông N có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi biết T đã gửi đơn tố cáo đến cơ quan Công an thành phố L, T đã đến Công an thành phố L để đầu thú hành vi phạm tội. Tuy sau đó được tại ngoại để điều tra nhưng đã bỏ trốn và bị bắt truy nã.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS-HS ngày 01/04/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Phạm Quốc T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 – Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát sửa đổi, bổ sung một phần cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Phạm Quốc T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Về hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Quốc T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã vận động gia đình hỗ trợ trả lại số tiền 13.800.000 đồng, ông N cũng đã trả lại cho T số tiền 6.000.000 đồng. Anh T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Về vật chứng: Đối với 01 trang phục công an nhân dân màu xanh, 01 cặp hàm thượng úy, 01 cặp ve, 01 bảng tên “Phạm Quốc T” số hiệu 186-367 và 01 thắt lưng có huy hiệu Công an nhân dân đề nghị tiêu hủy.

* Lời nói sau cùng: Sau thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận ra lỗi sai của mình và rất hối hận. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về gia đình, làm một người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện:

Vào ngày 20/07/2021, Phạm Quốc T đã đến quán nước T (đối diện trụ sở Công an thành phố L) thuộc quốc lộ 1A, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; sử dụng thủ đoạn gian dối là giả danh cán bộ công an nhân dân để chiếm đoạt số tiền 13.800.000đ của anh Trần Thanh T.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Quốc T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là công dân có đủ nhận thức và năng lực, do không muốn lao động mà vẫn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nói dối, giả làm công an khiến anh Trần Thanh T tưởng là thật nên đã tự nguyện giao cho bị cáo nhiều lần với tổng số tiền là 13.800.000đ và tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Trong những lần giả làm công an để yêu cầu anh T chuyển tiền có 02 lần số tiền chiếm đoạt trên 2.000.000đ nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và không thuộc trường hợp “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo hướng dẫn tại mục I.4 Giải đáp 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã vận động gia đình bồi thường thiệt hại, đầu thú nên được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 trang phục công an nhân dân màu xanh, 01 cặp hàm thượng úy, 01 cặp ve, 01 bảng tên “Phạm Quốc T” số hiệu 186-367 và 01 thắt lưng có huy hiệu Công an nhân dân cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

[7] Đối với hành vi của Trần Thanh T và Nguyễn Ngọc Minh N có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ” và “Môi giới hối lộ”. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Phạm Quốc T** phạm tội: “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Phạm Quốc T 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2022. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/8/2021 đến ngày 07/9/2021.

* **Về vật chứng:** Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 trang phục công an nhân dân màu xanh, 01 cặp hàm thượng úy, 01 cặp ve, 01 bảng tên “Phạm Quốc T” số hiệu 186-367 và 01 thắt lưng có huy hiệu Công an nhân dân.

(Số vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/04/2022)

* **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh;
- Sở tư pháp ĐN;
- VKSND Tỉnh ĐN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.LK;
- CA TP.LK;
- THA TP.LK;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Nguyễn Thành Hải